

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2023
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU, TỈNH LAI CHÂU**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Huy Vượng và ông Nguyễn Hữu Thức

- Thư ký phiên toà: Ông Gi Tiên Hiệp -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1964; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 17, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Khuất Văn Th, sinh năm 1962; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 17, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Khuất Văn Th đăng ký kết hôn ngày 20/11/1983 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Hoàng L Sơn (cũ) nay là thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa bà và ông Th là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn bà và ông Th chung sống hạnh phúc và sinh được 03 người con. Đến năm 1986 giữa bà và ông Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th thường chơi cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn. Năm 1987 bà đã từng viết đơn xin ly hôn, được chính quyền địa phương hòa giải nên tình cảm vợ chồng hàn gắn nhưng cũng không được hòa thuận. Năm 1994 ông Th nghiện ma túy, thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà, mọi việc trong gia đình bà một mình phải lo toan, gánh vác. Năm 2004 ông Th bị đưa đi cai nghiện bắt buộc một năm tại Lào Cai. Sau khi cai

nghiện về, ông Th không thay đổi, vẫn tiếp tục nghiện ma túy. Năm 2006 ông Th bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai (cũ) xử phạt 14 năm tù. Sau khi ông Th chấp hành xong hình phạt, trở về với gia đình những tưởng ông Th sẽ thay đổi nhưng ông Th vẫn thường xuyên chửi bới, đánh đập bà. Bà thấy rằng, những năm tháng tuổi trẻ bà đã cố gắng gìn giữ cuộc hôn nhân vì các con bà còn nhỏ nhưng đến nay bà cũng đã nhiều tuổi, sức khỏe ngày một yếu đi, cuộc sống chung với ông Th rất mệt mỏi và không hạnh phúc, hôn nhân giữa bà và ông Th đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn lại được. Hiện nay, ông Th cũng không thường xuyên ở nhà nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

2. Về con chung: Bà L và ông Khuất Văn Th có 03 con chung là Khuất Thị Lan Gi, đã chết năm 2007; Khuất Văn Th1, sinh ngày 25/11/1985; Khuất Bảo Tr, sinh ngày 05/9/1990. Hiện con chung Khuất Văn Th1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động; con chung Khuất Bảo Tr đã trên 18 tuổi, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, tỉnh Yên Bái. Do con chung đã trưởng Th nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, ông Khuất Văn Th mặc dù biết bà L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và được bà L giao các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa theo hướng dẫn của Tòa án. Ông Th đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39 Điều 147, 177, 179, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị L và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân bà L được ly hôn với ông Th; về con chung: Không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét do các con của bà L và ông Th đều đã trưởng Th và có khả

năng lao động; về chia tài sản chung: Không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết; về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Khuất Văn Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 17, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu. Ông Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Bà L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 29/12/2022, Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông Th tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Khuất Văn Th là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L và ông Khuất Văn Th chung sống với nhau từ năm 1983. Theo bà L trình bày ông bà có đăng ký kết hôn ngày ngày 22/11/1983 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường, huyện Than Uyên, tỉnh Hoàng L Sơn (cũ) nay là thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa bà và ông Th là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nhưng bà L không cung cấp được cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn và Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu thì toàn bộ hồ sơ lưu trữ từ trước năm 1989 là không tìm thấy nên không có tài liệu chứng minh việc bà L và ông Th đã đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, tổ trưởng tổ dân phố 17, thị trấn TU khẳng định bà L và ông Th chung sống với nhau từ năm 1983 thì đây là hôn nhân thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Th là hợp pháp. Quá trình chung sống bà L và ông Th hạnh phúc được khoảng 03 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện tình cảm của bà L không còn, ông Th cũng thường xuyên không ở nhà thể hiện Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng phải thông qua con trai Khuất Văn Th1. Ông Th biết việc bà L xin ly hôn nhưng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông cố tình không đến Tòa án để làm các thủ tục ly hôn với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa bà L và ông Th kéo quá dài từ năm 1986 cho đến nay, giữa bà L và ông Th không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Đặc biệt bà L không còn tình cảm yêu thương, không còn hạnh phúc khi chung sống với ông Th, ông Th cố tình trốn tránh việc đến Tòa để làm các thủ tục ly hôn đã thể hiện ông Th cũng không muốn hàn gắn tình cảm với bà L nên hôn nhân giữa bà L và ông Th đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ủy ban nhân dân thị trấn TU cũng đã xác định giữa bà L và ông Th có xảy ra mâu thuẫn, nên yêu cầu khởi kiện của

bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Do con chung của bà L và ông Th đã trưởng Th, có khả năng lao động, bà L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Khuất Văn Th.
2. Về con chung: Do các con chung đã trưởng Th, đủ khả năng lao động, bà Hoàng Thị L không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về chia tài sản chung: Bà Hoàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001420 ngày 10/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh Lai Châu nay chuyển Th án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TU;
- Chi Cục THADS huyện TU;
- UBND thị trấn TU, huyện TU;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Dương Thị Tuyết Thanh**

